

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH Tuần 51 (16/12-20/12/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

- Mỹ: GDP nền kinh tế tăng trưởng 3,1% trong Q3/2024; Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp đã giảm 22 nghìn đơn so với tuần trước; Sản lượng sản xuất giảm trong khi doanh số bán lẻ tăng.
- Trung Quốc: Doanh số bán lẻ tăng 3% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 11/2024; Tỷ lệ thất nghiệp được khảo sát là 5%.
- Giá hàng hóa: Giá vàng thế giới ở mức ổn định; Giá dầu Brent tăng nhẹ 0,1%, dầu tương lai WTI giảm 1,6%.
- FED: cắt giảm thêm 25 điểm cơ bản đối với LSCS.
- PBoC: giữ nguyên lãi suất cho vay chủ chốt.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

- TCHQ: Sơ bộ tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong nửa đầu tháng 12/2024 (từ ngày 01/12 đến ngày 15/12/2024).
- Chính phủ: Thủ tướng chỉ đạo thực hiện các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2025.
- Seasia Stats: Việt Nam lọt top 15 nền kinh tế lớn nhất châu Á.
- Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng-giảm ở tất các phiên trong tuần.
- Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được 328.375 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu. Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 94.279 tỷ VND cổ phiếu. Lãi suất trúng thầu tăng nhẹ so với đầu năm 2024 ở kỳ hạn 10 năm (+0,6 điểm) và 30 năm (+0,33 điểm).

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/-1W	%+/-M	%+/-Y
Qua đêm	2,69	-1,03	6,67	-3,51
1 Tuần	3,45	-3,59	10,84	-11,79
2 Tuần	4,59	-3,02	12,67	-11,97
1 Tháng	4,9	1,51	11,89	-8,03
3 Tháng	5,11	-1,02	11,46	-10,93
6 Tháng	5,67	4,21	9,83	-6,71
9 Tháng	5,72	-18,22	31,97	-44,56

Ghi chú: Ngày áp dụng 19/12/2024

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gọi thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
16/12/2024	7		3/3	1.000	4
	14		6/6	9.300	4
	28		5/5	2.880	4
17/12/2024	7		3/3	999,93	4
	14		5/5	9.850	4
	28		4/4	1.200	4
18/12/2024	7		3/3	1.000	4
	14		3/3	5.350	4
	28		2/2	1.500	4
19/12/2024	7		3/3	1.000	4
	7		6/6	10.000	4
	14		4/4	3.700	4
20/12/2024	14		8/8	10.000	4
	7		6/6	6.643	4

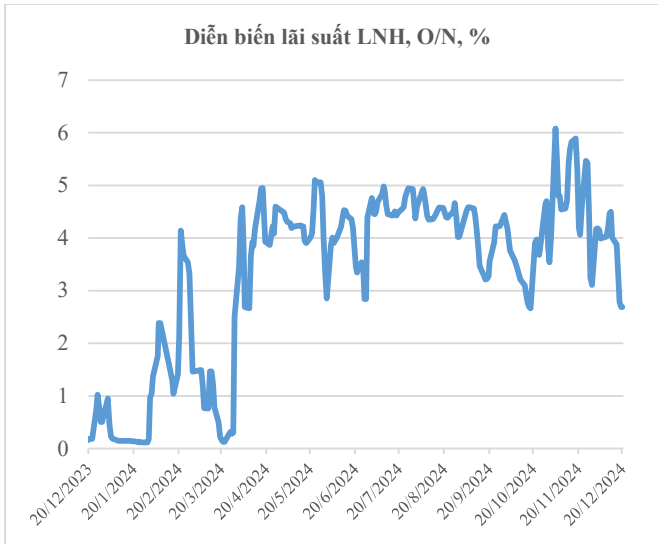
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2024		Tuần 51 (16/12-20/12/2024)			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1,24		0,50			
Tỷ lệ trúng thầu (%)		59%		92%			
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)			
1	3 Năm						
2	5 Năm	83.250		2.000			
3	7 Năm	6.000		-			
4	10 Năm	285.250		4.500			
5	15 Năm	139.500		1.000			
6	20 Năm	14.000		-			
7	30 Năm	28.900		1.500			
	Tổng	556.900		9.000			
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)		
1	3 Năm						
2	5 Năm	99.281	1,3	1.250	2		
3	7 Năm	3.245	2	-	-		
4	10 Năm	402.582	2,08	2.000	2,73		
5	15 Năm	151.601	2,28	600	3,1		
6	20 Năm	11.456	2,6	-	-		
7	30 Năm	23.357	2,8	629	3,18		
	Tổng	691.522		4.479			
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	So với tuần	So với đầu năm 2024
1	3 Năm						
2	5 Năm	47.970	1,37	100	2	-	+0,5
3	7 Năm	795	2,02	-	-	-	-
4	10 Năm	197.410	2,15	300	2,75	+0,02	+0,6
5	15 Năm	65.859	2,35	-	-	-	-
6	20 Năm	6.030	2,65	-	-	-	-
7	30 Năm	10.311	2,85	429	3,18	-	+0,33
	Tổng	328.375		829			

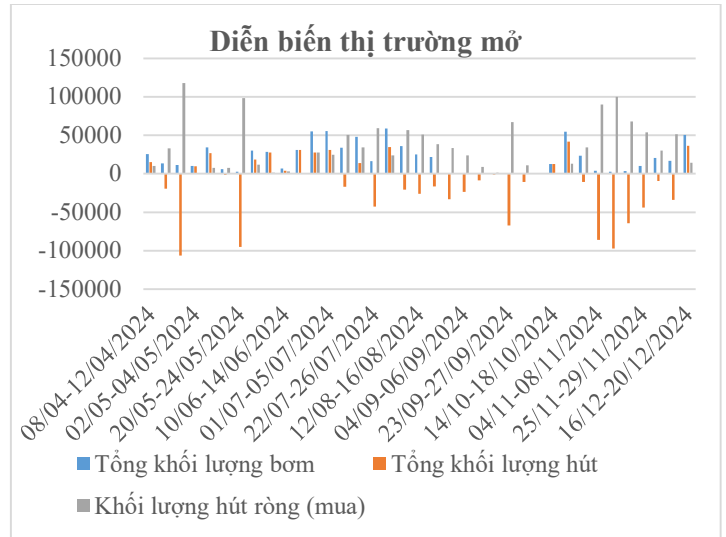
Nguồn: HNX, LS (min)

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

2.1. Thị trường tiền tệ

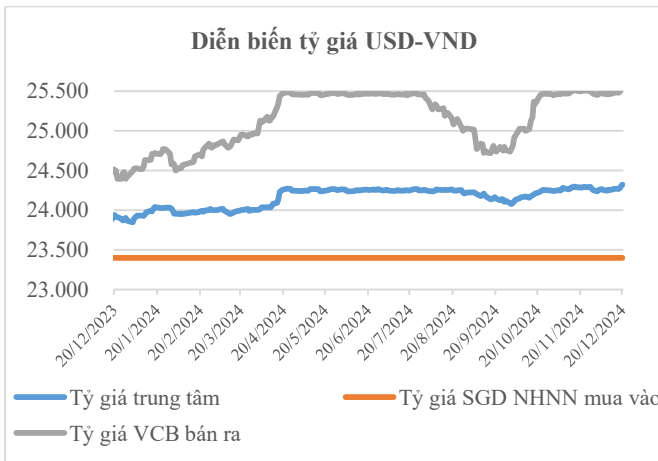


Nguồn: NHNN

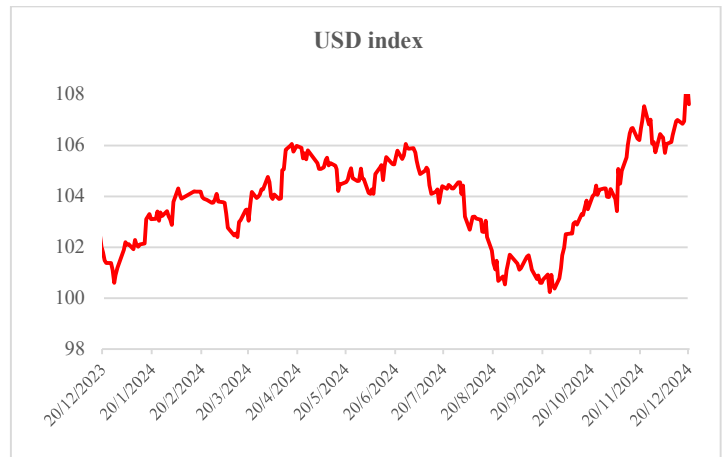


Nguồn: NHNN

2.2. Thị trường ngoại hối

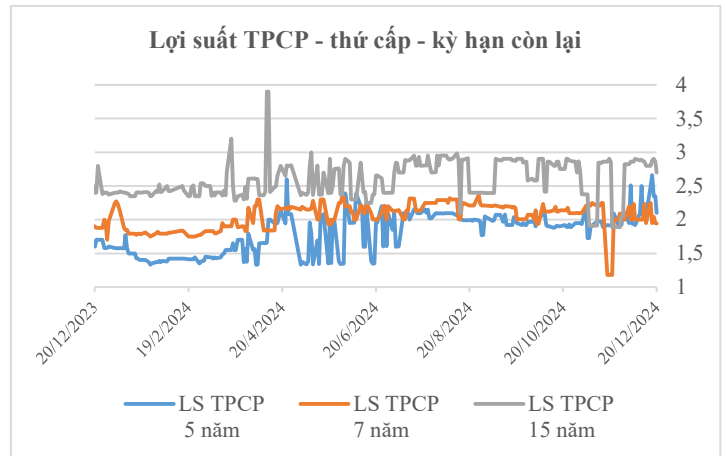
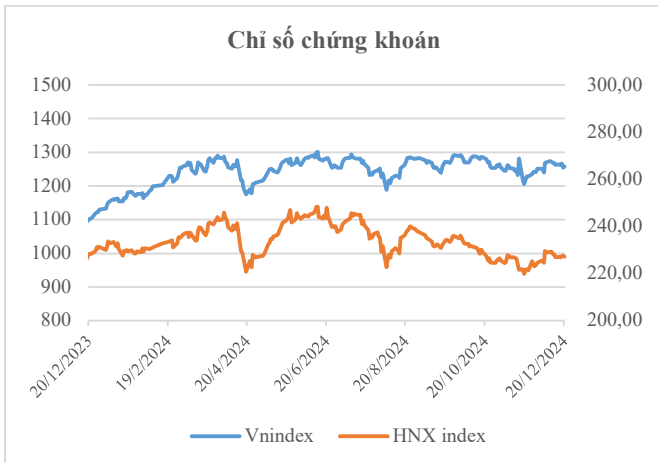


Nguồn: NHNN



Nguồn: Trading economics

2.3. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX, TTTT tổng hợp

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TUẦN 51 (16/12-20/12/2024)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	4.50%	4.75%	19/09/2024	29/01/2025
ECB	EURO Zone	3.00%	3.25%	17/10/2024	05/02/2025
BOJ	Nhật Bản	0.25%	0.00%	31/07/2024	24/01/2025
PBoC	Tr/Quốc	3.10%	3.35%	22/07/2024	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	18/02/2025
BoE	Anh	4.75%	5.00%	01/08/2024	06/02/2025
BOK	Hàn Quốc	3.00%	3.25%	11/10/2024	16/01/2025
BI	Indonesia	6.00%	6.25%	18/09/2024	NA
BNM	Malaysia	3.00%	2.75%	03/05/2023	22/01/2025
BOT	Thái Lan	2.25%	2.50%	16/10/2024	26/02/2025
CBR	Nga	21.00%	19.00%	13/09/2024	21/03/2024

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % theo W	+/_ % theo M	+/_ % YoY
EURUSD	1.04322	-0.75%	-0.60%	-5.22%
GBPUSD	1.25766	-0.84%	0.06%	-0.89%
AUDUSD	0.62512	-1.86%	-3.87%	-8.00%
USDJPY	156.528	1.57%	1.50%	9.97%
USDCNY	7.29979	0.09%	0.72%	2.15%
USDCAD	1.43602	0.83%	2.67%	8.38%
USDRUB	102.9955	-1.44%	1.68%	10.90%
USDKRW	1447.43	0.65%	3.35%	11.71%
DXY	107.780	0.87%	0.27%	5.97%
USDTHB	34.2800	0.63%	-0.85%	-0.88%
USDSGD	1.35452	0.35%	0.64%	2.27%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
United States	4.5350	0.13%	0.26%	0.63%
United Kingdom	4.5090	0.06%	0.16%	1.00%
Japan	1.0530	-0.02%	-0.02%	0.44%
Australia	4.4630	0.15%	-0.02%	0.45%
Germany	2.2865	0.04%	-0.03%	0.33%
China	1.6820	-0.04%	-0.37%	-0.91%
Singapore	2.9450	0.19%	0.09%	0.23%
South Korea	2.8200	0.09%	-0.12%	-0.47%
Taiwan	1.6250	0.01%	0.07%	0.45%
Thailand	2.2400	-0.04%	-0.18%	-0.49%
Vietnam	3.0470	0.09%	0.18%	0.70%
Hong Kong	3.6560	0.22%	0.24%	0.34%
Indonesia	7.0430	-0.02%	0.15%	0.55%
Malaysia	3.8780	0.06%	0.02%	0.14%
Philippines	6.1500	0.24%	0.18%	0.24%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_ % 1 W	+/_ % 1 M	+/_ % YTD	+/_ % 1 Y	+/_ % 3 Y
Dow Jones	-2.01%	-3.29%	+13.67%	+14.59%	+19.16%
S&P 500	-2.36%	-0.64%	+24.34%	+24.74%	+25.50%
Nasdaq	-2.98%	+2.99%	+30.39%	+30.55%	+25.04%
DAX	-2.11%	+2.91%	+18.70%	+19.03%	+26.20%
FTSE 100	-2.15%	-2.15%	+4.54%	+5.03%	+9.66%
CAC 40	-1.12%	+0.27%	-3.56%	-3.89%	+2.65%
Euro Stoxx 50	-1.75%	+1.49%	+7.50%	+7.50%	+14.23%
Nikkei 225	-0.89%	+2.15%	+16.86%	+17.90%	+35.87%
Shanghai	-0.31%	+3.33%	+13.48%	+15.82%	-6.69%
Hang Seng	+0.10%	+3.05%	+16.24%	+21.27%	-14.67%
SET	-3.85%	-5.62%	-3.59%	-2.85%	-16.62%
KOSPI	-2.14%	-2.62%	-8.27%	-6.30%	-19.15%
IDX Com	-3.79%	-2.94%	-3.97%	-3.50%	+6.41%
PSEi	-3.16%	-5.51%	-0.68%	-1.46%	-10.80%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Crude Oil USD/Bbl	69.794	-0.71%	1.24%	-7.64%
Natural gas USD/MMBtu	3.8760	20.63%	12.61%	71.93%
Gasoline USD/Gal	1.9528	-1.06%	-5.21%	-11.02%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	2622.18	-1.12%	0.44%	26.87%
Silver USD/t.oz	29.643	-2.96%	-1.66%	22.37%
Lithium CNY/T	75550	-1.11%	-4.85%	-21.71%
Platinum USD/t.oz	931.80	-0.76%	-0.81%	-4.20%

3. Khoáng sản	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Copper USD/Lbs	4.0599	-2.05%	-1.01%	4.58%
Steel CNY/T	3214.00	-2.22%	-4.00%	-17.48%
Iron Ore USD/T	103.84	-1.40%	1.78%	-23.26%
Aluminum USD/T	2557.00	-0.35%	-3.70%	7.00%
Tin USD/T	28689	-1.40%	-0.21%	14.06%
Zinc USD/T	2990.50	-1.82%	-0.94%	13.29%
Nikel USD/T	15350	-2.04%	-5.19%	-5.71%
Coal USD/T	127.30	-4.29%	-10.04%	-11.75%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. KINH TẾ - THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Mỹ:

GDP nền kinh tế tăng trưởng 3,1% trong Q3/2024, cao hơn 3% trong quý trước. Đây là mức tăng trưởng lớn nhất từ đầu năm đến nay.

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp đã giảm 22 nghìn đơn so với tuần trước còn 220 nghìn, cao hơn nhiều so với kì vọng của thị trường là giảm còn 230 nghìn đơn, dù bớt lo ngại sau khi tăng đột biến bất ngờ vào tuần trước.

Sản lượng sản xuất giảm trong khi doanh số bán lẻ tăng

Sản lượng công nghiệp giảm 0,1% so với tháng trước vào tháng 11 kéo dài mức giảm 0,4% vào tháng 10 và trái ngược với kỳ vọng của thị trường về mức tăng 0,2%

Trong khi đó, doanh số bán lẻ tại Hoa Kỳ tăng 0,7% trong tháng 11, sau mức tăng 0,5% được điều chỉnh tăng vào tháng 10 và cao hơn dự báo là 0,5%

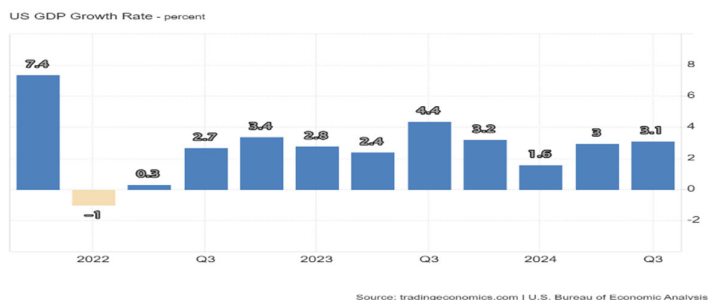
Tâm lý người tiêu dùng được xác nhận ở mức 74 điểm vào tháng 12, mức cao nhất kể từ tháng 4, so với mức 71,8 vào tháng 11.

Trung Quốc:

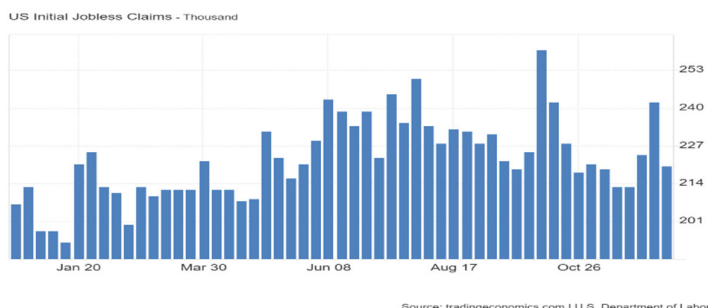
Doanh số bán lẻ tăng 3% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 11, chậm lại so với mức tăng trưởng 4,8% của tháng trước và thấp hơn kỳ vọng của thị trường là tăng 4,6%. Đây là mức tăng trưởng yếu nhất trong hoạt động bán lẻ kể từ tháng 8.

Tỷ lệ thất nghiệp được khảo sát là 5% trong tháng 11/ 2024, không thay đổi so với tháng trước và phù hợp với kỳ vọng của thị trường

GDP nền kinh tế tăng trưởng



Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp đã giảm

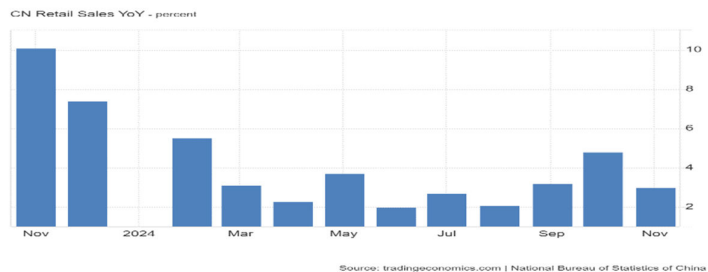


PCE tiêu dùng cá nhân tăng 0,1% trong tháng 11, thấp hơn 0,2% trong mỗi hai tháng trước đó và thấp hơn dự báo là 0,2%.

Nguồn: BLS/Tradingeconomics

Sản xuất công nghiệp tăng 5,4% so với cùng kỳ năm ngoài vào tháng 11/2024, vượt nhẹ so với ước tính của thị trường và tốc độ tăng trưởng trong tháng 10 là 5,3%, chủ yếu được hỗ trợ bởi mức tăng nhanh hơn trong sản xuất (6,0% so với 5,4% trong tháng 10)

Doanh số bán lẻ tăng



Nguồn: NBS/Tradingeconomics

Giá hàng hóa thế giới tuần qua

Giá vàng thế giới ở mức ổn định

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay giao dịch ở mức 2.600 USD/oz, chịu áp lực từ triển vọng điều hòa từ FED.

Giá dầu thị trường quốc tế

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu tương lai Brent tăng nhẹ 0,1% lên 69.49 USD/thùng phục hồi một số khoản lỗ trước đó nhưng vẫn ghi nhận mức giảm 3% trong tuần.. Hợp đồng dầu tương lai WTI giảm 1,6% còn 67,2 USD/thùng.

Nguồn: OPEC/Kitco

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

NHTW các nước

FED: cắt giảm thêm 25 điểm cơ bản đối với LSCS

Trong cuộc họp tháng 12, Fed đã công bố cắt giảm thêm 25 điểm cơ bản đối với LSCS vào tháng 12, đánh dấu lần cắt giảm thứ ba liên tiếp trong năm nay và đưa chi phí đi vay lên phạm vi 4,25%-4,5%

Các quan chức của FED cho thấy những dự đoán hai lần cắt giảm lãi suất vào năm 2025, tổng cộng là 50 điểm cơ bản.

Fed cũng đã điều chỉnh tăng dự báo tăng trưởng GDP cho năm 2024 (2,5% so với 2% trong dự báo tháng 9) và năm 2025 (2,1% so với 2%), trong khi vẫn giữ nguyên ở mức 2% cho năm 2026.

Tương tự như vậy, dự báo lạm phát PCE đã được điều chỉnh cao hơn cho năm 2024 (2,4% so với 2,3%), năm 2025 (2,5% so với 2,1%) và năm 2026 (2,1% so với 2%). Xu hướng tương tự cũng áp dụng cho lạm phát PCE cốt lõi, với dự báo được nâng lên cho năm 2024 (2,8% so với 2,6%), 2025 (2,5% so với 2,2%) và 2026 (2,2% so với 2%). Mặt khác, tỷ lệ thất nghiệp được dự báo sẽ thấp hơn trong năm nay (4,2% so với 4,4%) và năm 2025 (4,3% so với 4,4%) trong khi dự báo được giữ nguyên ở mức 4,3% cho năm 2026.

Nguồn: Tradingeconomics

PBoC: giữ nguyên lãi suất cho vay chủ chốt

Như dự đoán của thị trường, (PBoC) giữ nguyên lãi suất cho vay chủ chốt trong tháng thứ hai liên tiếp tại mức cố định vào tháng 12

Lãi suất cho vay cơ bản một năm (LPR), chuẩn mực cho hầu hết các khoản vay của doanh nghiệp và hộ gia đình, được giữ ở mức 3,1%. Trong khi đó, lãi suất năm năm, tham chiếu cho thế chấp bất động sản, không đổi ở mức 3,6%.

Cả hai mức lãi suất đều ở mức thấp kỷ lục sau khi giảm lãi suất vào tháng 10 và tháng 7. Quyết định mới nhất được đưa ra sau lời cam kết của các nhà lãnh đạo Trung Quốc vào đầu tháng 12 về việc tăng thâm hụt ngân sách năm 2025 lên 4% GDP, mức cao nhất được ghi nhận, để thúc đẩy sự thay đổi của nền kinh tế và kích thích tiêu dùng. Họ cũng cam kết sẽ chuyển chính sách tiền tệ sang lập trường "nới lỏng vừa phải" vào năm tới, tránh xa cách tiếp cận "thận trọng" hiện tại để giải quyết những thách thức ngày càng gia tăng trong nền kinh tế. Một quan chức PBoC gần đây đã chỉ ra rằng ngân hàng trung ương thấy có nhiều dư địa hơn để tiếp tục giảm RRR từ mức trung bình hiện tại là 6,6%.

Nguồn: Tradingeconomics

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. KINH TẾ VĨ MÔ

Sơ bộ tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong nửa đầu tháng 12/2024 (từ ngày 01/12 đến ngày 15/12/2024)

Theo thông tin Tổng cục Hải quan mới công bố trong kỳ 1 tháng 12 năm 2024, cán cân thương mại hàng hóa thâm hụt 760 triệu USD. Tính từ đầu năm đến hết ngày 15/12/2024, cán cân thương mại hàng hóa thặng dư 23,57 tỷ USD. Cụ thể:

- Kim ngạch xuất khẩu kỳ 1 tháng 12 đạt 15,36 tỷ USD, nhập khẩu đạt 16,12 tỷ USD
- Lũy kế từ đầu năm đến giữa tháng 12, kim ngạch XK đạt 385,35 tỷ USD, NK đạt 361,78 tỷ USD.
- Tổng kim ngạch XNK kỳ báo cáo đạt 747,13 tỷ USD, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm 2023.

Thủ tướng chỉ đạo thực hiện các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2025

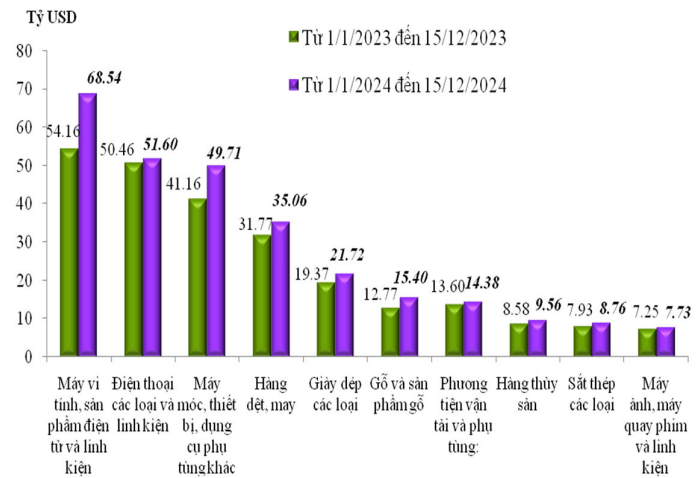
Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

- Triển khai các chính sách kinh tế: Thực hiện Kết luận số 97-KL/TW và các nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, với mục tiêu tăng trưởng GDP trên 8%.
- Tăng trưởng kinh tế: Ưu tiên phát triển kinh tế gắn với ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, và các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng GDP, với các tỉnh, thành phần đầu đạt mức tăng trưởng cao.
- Đầu tư và tín dụng: Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và thu hút đầu tư nước ngoài. Ngân hàng Nhà nước hỗ trợ giảm lãi suất và tăng cường tín dụng cho sản xuất, kiểm soát nợ xấu.
- Phát triển các động lực tăng trưởng mới: Đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển công nghệ cao, và phát triển kinh tế xanh.

Seasia Stats: Việt Nam lọt top 15 nền kinh tế lớn nhất châu Á

- Việt Nam nằm trong nhóm 15 nền kinh tế lớn nhất châu Á với quy mô dự kiến năm 2025 đạt khoảng 506 tỷ USD.

Biểu đồ: Trị giá xuất khẩu của một số nhóm hàng lớn lũy kế từ 01/01/2024 đến 15/12/2024 và cùng kỳ năm 2023



Nguồn: TCQH

- Hạ tầng chiến lược: Hoàn thiện hạ tầng quốc gia, kết nối cao tốc, sân bay, cảng biển và đường sắt tốc độ cao, đặc biệt hoàn thành Cảng hàng không quốc tế Long Thành và 3.000 km cao tốc vào năm 2025.
- Huy động nguồn lực phát triển: Tăng cường sử dụng các nguồn lực từ nhà nước, doanh nghiệp và hợp tác công tư (PPP) để phát triển hạ tầng chiến lược, đồng thời thúc đẩy hiệu quả các Tập đoàn nhà nước.
- Cải cách thể chế, pháp luật: Rà soát, sửa đổi các luật để tháo gỡ khó khăn, cắt giảm thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý và đầu tư công.
- Văn hóa và an sinh xã hội: Phát triển văn hóa, giảm nghèo, ứng phó với biến đổi khí hậu, đảm bảo ổn định chính trị và an ninh quốc gia.
- Giám sát và báo cáo: Văn phòng Chính phủ giám sát và báo cáo Thủ tướng về tiến độ thực hiện các nhiệm vụ.

Nguồn: Chinhphu.vn

- Việt Nam đứng thứ 12 với quy mô nền kinh tế dự kiến sẽ đạt khoảng 506 tỷ USD. Dự kiến, nền kinh tế Việt Nam năm 2024 có thể tăng trưởng ở mức 7%, thuộc số ít các nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới.

- Chính phủ Việt Nam cũng đặt nhiều kỳ vọng với mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 8% cho năm 2025.

- Seasia Stats nhấn mạnh “Việt Nam đang phát triển nhanh chóng nhờ vào xu hướng bùng nổ sản xuất và đầu tư nước ngoài.”

Nguồn: TTTT tổng hợp

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Tuần 51 (16/12-20/12/2024)

- Lãi suất VND liên ngân hàng giảm mạnh ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống.

- Thị trường tiền tệ liên ngân hàng trong tuần từ 16/12-20/12, lãi suất VND liên ngân hàng giảm mạnh ở các kỳ hạn qua các phiên. Chốt phiên ngày 19/12, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 2,69% (-1,81 điểm phần trăm); 1 tuần 3,45% (-1,26 điểm phần trăm); 2 tuần 4,59% (-0,15 điểm phần trăm); 1 tháng 4,90% (-0,21 điểm phần trăm) so với phiên 12/12.

- Tuần từ 16/12 - 20/12, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu kỳ hạn 7 ngày và 14 ngày với khối lượng là 14.000 tỷ đồng, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Có 13.999,93 tỷ đồng trúng thầu và có 50.999,89 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua trên kênh cầm cố.

- NHNN chào thầu tín phiếu NHNN đấu thầu lãi suất ở 3 kỳ hạn 7 ngày, 14 ngày và 28 ngày. Có 16.643 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, lãi suất ở mức 4,0%, có 28.200 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 14 ngày, lãi suất ở mức 4,0% và có 5.580 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 28 ngày, lãi suất ở mức 4,0%. Có 15.975 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần qua.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.2. Thị trường ngoại hối

Tuần 51 (16/12-20/12/2024)

- Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá VND/USD tăng.

- Thị trường ngoại tệ trong tuần từ 16/12-20/12, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng-giảm ở tất cả các phiên trong tuần. Chốt ngày 20/12, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.324 VND/USD, cao hơn 60 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và thấp hơn 39 đồng so với phiên cùng ngày tháng 11.

- Chỉ số USD Index biến động tăng- giảm mạnh qua từng phiên trong tuần từ 16/12-20/12, mức điểm cao nhất trong tuần đạt 108.41 điểm. Chốt lại phiên ngày 20/12 ở mức 107.62 điểm cao hơn 0.62 điểm so với phiên cuối tuần trước và cao hơn 0.94 điểm so với phiên cùng ngày tháng 11.

- Sở giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua - bán USD ở mức 23.400 VND/USD, tỷ giá bán giao ngay ở mức 25.450 VND/USD.

- Tỷ giá LNH trong tuần từ 16/12 - 20/12 biến động theo xu hướng tăng. Kết thúc phiên 20/12, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.455, tăng 52 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và cao hơn 33 đồng so với phiên cùng ngày tháng 11.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp TPCP & TP CBLCP:

Tuần 51 (16/12-20/12/2024)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **829/ 9.000** tỷ đồng, giá trị trúng tương ứng với tỷ lệ bằng 92%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với **tuần** trước: 5 năm-lãi suất 2 %; 10 năm-lãi suất 2,75 % (tăng 0,02 điểm %); 30 năm-lãi suất 3,18 % (không tăng giảm điểm %);

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với cùng kỳ **tháng** trước: 10 năm-lãi suất 2,75 % (tăng 0,07 điểm %); 30 năm-lãi suất 3,18 % (tăng 0,03 điểm %);

Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được **328.375** tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Thị trường TPDN:

Trong tuần qua, tổng giá trị phát hành thành công tạm tính đạt 15.737 tỷ VND (nhóm ngân hàng chiếm 50%). Lũy kế từ đầu năm đến 20/12/2024 là 407.421 tỷ VND (có 416 đợt thông báo phát hành).

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán:

Trong tuần qua các chỉ số **giảm**, thanh khoản các sàn đạt bình quân **15.808** tỷ đồng/phiên.

VN-Index ở phiên cuối tuần là **1.257,50** điểm (-5,07 điểm; **-0,40%**) và *HNX-Index* đóng cửa ở 227.07 điểm (+0,07 điểm; **+0,03%**) so với phiên cuối tuần trước.

Thị trường thứ cấp TPCP & TP CBLCP:

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 14.237 tỷ đồng/phiên, giảm 19,26% so với tuần trước, Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP BL biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

5 năm	Tăng	0.03	điểm%
7 năm	Giảm	0.002	điểm%
10 năm	Tăng	0.178	điểm%
15 năm	Giảm	0.10	điểm%

Tuần qua NĐT NN mua ròng 688.58 tỷ đồng

Thời gian	Mua/Bán (tỷ VND)
TUẦN 51 (16/12-20/12/2024)	688.58
Tháng 11-2024	157.29
Q3 - 2024	2.451.07
Năm 2022	-8,065
Năm 2021	10,886

Tuần qua giao dịch thứ cấp TPDN riêng lẻ đạt 28.065 tỷ VND (Khối lượng 27.277)

Lũy kế từ khi có sàn giao dịch đạt giá trị 1.026.616 tỷ VND (KL đạt 2.090.400).

Nguồn: HNX, TTTT tổng hợp

Giá trị vốn hóa thị trường phiếu¹/GDP² tại ngày 20/12/2024 là 64,8%, tăng 4,94 điểm % so với cuối năm 2023.

Tuần qua, khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 1.548 tỷ VND cổ phiếu.

Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 94,279 tỷ VND cổ phiếu.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày 20/12/2024 : 7,131 triệu tỷ VND;

2. GDP TCTK lũy kế 4 Quý gần nhất: 11,011 triệu tỷ VND.

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC
VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	1. Chính phủ, bộ ngành			
NHNN	Quyết định 2690/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất của các ngân hàng thương mại áp dụng trong năm 2025 đối với dư nợ của các khoản cho vay hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Thông tư 11/2013/TT-NHNN ngày 15/5/2013, Thông tư 32/2014/TT-NHNN ngày 18/11/2014 và Thông tư 25/2016/TT-NHNN ngày 29/7/2016	18/12/2024	01/01/2025	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html?page=2
NHNN	Thông tư 55/2024/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi khoản 4 Điều 2 Thông tư 19/2018/TT-NHNN ngày 28/8/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Trung Quốc	18/12/2024	01/02/2025	
NHNN	Thông tư 54/2024/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 26/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn giao dịch ngoại tệ giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối	17/12/2024	05/02/2025	
TTCP	Quyết định 1579/QĐ-TTg 2024 thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống lãng phí	17/12/2024	17/12/2024	https://vanban.chinhphu.vn/he-thong-van-ban?classid=2&mode=1
TTCP	Công điện số 135/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về tiếp tục tăng cường các giải pháp điều hành lãi suất, tín dụng	16/12/2024	16/12/2024	
BCĐ	Quyết định số 144/QĐ-BCĐQGKTTT của Ban Chỉ đạo quốc gia về kinh tế tập thể: Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo quốc gia về kinh tế tập thể	16/12/2024	16/12/2024	
UBTVQH	Nghị quyết số 1321/NQ-UBTVQH15 của ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI: Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công của	16/12/2024	16/12/2024	

	các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương			
TTCP	Quyết định số 1575/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	16/12/2024	16/12/2024	

II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
	2. Chính phủ, bộ ngành			
BTC	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký, quản lý và công khai danh sách kiểm toán viên hành nghề kiểm toán, Thông tư số 203/2012/TT-BTC ngày 19/11/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về trình tự, thủ tục cấp, quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán và Thông tư số 157/2014/TT-BTC ngày 23/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán.	20/12/2024		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqpppl
BTC	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị	18/12/2024		
BKH ĐT	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu (lần 2)	17/12/2024		
BTC	Bộ Tài chính tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến của Bộ, ngành địa phương đối với dự thảo Thông tư của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quản lý sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, quản lý, sử dụng tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản	16/12/2024		
BTC	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (dự thảo lần 2)	16/12/2024		

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA